



hé píng

和平

Noun · peace; mild

Example Sentences

wǒ men xǐ huān hé píng

我们喜欢和平。

We like peace.

nǐ nán dào bú rèn wéi hé píng gòng chǔ cái shì cháng jiǔ zhī dào ma

你难道不认为和平共处才是长久之道吗？

Don't you think peaceful coexistence is the way for the long term?

hé píng de shì jiè hěn měi hǎo

和平的世界很美好。

A peaceful world is beautiful.

Trace each character, then write the word on your own.

和	和	和	和	和	和	和	和	和	和	和
平	平	平	平	平	平	平	平			